TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 258/2024/HS-PT
Ngày 16-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**

Các thẩm phán: Ông **Trần Quốc Cường**

Ông **Trần Đức Kiên.**

- *Thư ký phiên tòa:* **Phạm Minh Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà:* Ông **Đoàn Minh Lộc** - Kiểm sát viên.

Ngày 16-6-2024, từ điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 260/2024/TLPT-HS ngày 23-5-2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị Như L và bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2024/HS-ST ngày 10-4-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- *Các bị cáo kháng cáo:*

1. Nguyễn Thị Như L, sinh ngày 08-11-1994 tại Quảng Nam; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Kế toán; con ông Nguyễn Đ, sinh năm 1965 và bà Đặng Thị N, sinh năm 1966; chồng là Trần Đức Hồng K, sinh năm 1994 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 04-11-2022; đến ngày 12-11-2022, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo bị bắt tạm giam lại ngày 27-10-2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại điểm cầu thành phần.

2. Nguyễn Thị K1, sinh ngày 06-8-1995 tại Quảng Nam; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Kế toán; con ông Nguyễn L1, sinh năm 1973 và bà Đặng Thị Kim T, sinh năm 1976; chồng là Đinh Thành N1, sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 04-11-2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại điểm cầu thành phần.

- *Người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo:*

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Như L*:*

Luật sư Vũ Minh T1 - Văn phòng Luật sư Vũ Minh T1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: Số A T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, có mặt tại điểm cầu thành phần.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị K1*:*

Luật sư Đinh Xuân L2 - Công ty L4, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; địa chỉ: Số E T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt tại điểm cầu trung tâm.

Nguyên đơn dân sự:

Công ty TNHH P1; địa chỉ trụ sở: Thôn D, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo pháp luật:*Bà Nguyễn Thiện M - Chức vụ: Chủ tịch công ty; địa chỉ cư trú: Số C, đường A, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Huỳnh Lưu Q - Chức vụ: Phụ trách pháp lý Công ty TNHH P1; địa chỉ: Thôn D xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, có mặt tại điểm cầu thành phần.

- Ông Bùi Trần Nhân T2 - Chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng THACO tại C, thuộc Công ty CP T6; địa chỉ: Số G T, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, có mặt tại điểm cầu thành phần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Trần Đức Hồng K, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, có mặt tại điểm cầu thành phần.

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, có mặt tại điểm cầu thành phần.

- Ông Bùi Nhân T3, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Số G T, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, có mặt tại điểm cầu thành phần.

- Bà Võ Lưu Nam A, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Khối phố H, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Hồ Thị Kim P, sinh năm 2000; địa chỉ cư trú: Khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

- Bà Đặng Thị Kim T4, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02-11-2022, Văn phòng đại diện tại C của Công ty Cổ phần T6 có Văn bản số 68/2022-VPCL gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đề nghị hỗ trợ điều tra các hành vi chiếm đoạt tài sản của công ty. Sau khi tiếp nhận nguồn tin tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q tiến hành thụ lý, giải quyết. Kết quả điều tra xác định như sau:

Từ năm 2018 đến tháng 10-2022, nhằm giảm tải lượng công việc và thời gian chuyển tiền giữa các đơn vị, giảm lượng tiền tồn trong tài khoản và sử dụng có hiệu quả dòng tiền bán hàng hằng ngày, Công ty Cổ phần T6 (sau đây viết tắt là Công ty P1) có chủ trương sử dụng dịch vụ Internet Banking để thực hiện các giao dịch chuyển tiền trong hệ thống nội bộ (các công ty trực thuộc của Công ty P1). Để đảm bảo thực hiện nghiệp vụ chuyển tiền, nhân sự kế toán nghiệp vụ (Kế toán Ngân hàng) được giao trách nhiệm thực hiện chuyển tiền sẽ được đăng ký số điện thoại hoặc Email cá nhân để nhận mật khẩu xác minh OTP (đối với Ngân hàng TMCP C - V, Ngân hàng TMCP Q1 - M2, Ngân hàng TMCP N2 - V1) hoặc được giao quyền quản lý trực tiếp 02 Token là mã tạo lệnh (T) và T5 duyệt lệnh (Thaco 4) đối với các Ngân hàng nước ngoài là Ngân hàng TNHH Một thành viên H2 (Việt Nam), Ngân hàng M3 (Nhật Bản) - Chi nhánh Thành phố H để thực hiện nghiệp vụ chuyển tiền trong hệ thống các công ty nội bộ của Công ty P1.

Để thực hiện chủ trương trên, Công ty P1 đã ban hành các Thông báo số 33/TB ngày 31-3-2018, Thông báo số 35/TB ngày 02-4-2019, Tờ trình số TT20/BTC ngày 24-3-2020 quy định quy trình chuyển tiền qua Internet Banking và việc sử dụng dịch vụ Internet Banking chuyển tiền chỉ được thực hiện trong nội bộ các Công ty THACO, không được chuyển ngoài hệ thống trừ trường hợp nộp thuế, thanh toán tiền điện, nước và tiền lương cho cán bộ, công nhân viên.

Lợi dụng việc được giao nhiệm vụ thực hiện các giao dịch chuyển tiền qua dịch vụ Internet Banking, Nguyễn Thị Như L và Nguyễn Thị K1 là nhân viên Kế toán Ngân hàng của Công ty TNHH P1 (sau đây viết tắt là Công ty P1, là Công ty thành viên của Công ty P1), đã nhiều lần chuyển tiền trực tiếp từ tài khoản của Công ty P1 đến các tài khoản cá nhân của L, K1 hoặc của người thân của các bị cáo để chiếm đoạt, cụ thể như sau:

1. Đối với Nguyễn Thị Như L:

Nguyễn Thị Như L được Công ty P1 tuyển dụng vào vị trí kế toán từ ngày 26-10-2017. Từ tháng 10-2017 đến tháng 09-2021, L được giao nhiệm vụ Kế toán Ngân hàng với công việc giao dịch hồ sơ chứng từ thanh toán với Ngân hàng, hạch toán nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi Ngân hàng lên phần mềm kế toán, lưu trữ chứng từ kế toán theo quy định. Từ tháng 10-2021 đến tháng 8-2022, L được chuyển sang nhiệm vụ Kế toán xuất hoá đơn cho công ty. Từ tháng 9-2022 đến ngày 08-10-2022 (thời điểm công ty phát hiện vụ việc), L được chuyển sang làm Kế toán quản trị vật tư, phụ tùng du lịch.

Để che giấu hành vi và để công ty không phát hiện việc bị chiếm đoạt tiền trên phần mềm kế toán của công ty. Trong thời gian được giao nhiệm vụ Kế toán Ngân hàng, Nguyễn Thị Như L đã hợp thức hoá các khoản tiền chiếm đoạt bằng cách chia nhỏ

các khoản tiền với các nội dung: *Phí Ngân hàng, phí chiết khấu, phí chuyển tiền, phí* Ngân hàng L5 *(phí mở hồ sơ vay)…. của* Công ty P1 *đối với đối tác là* Ngân hàng M4 - Chi nhánh Thành phố H *hoặc nội dung thể hiện việc* Công ty P1 *thanh toán công nợ các khoản chi này cho các đối tác, tạm ứng tiền phục vụ các hoạt động của Công ty*. Nguyễn Thị Như L đã nhiều lần tự ý chuyển tiền từ tài khoản số 041548 tại Ngân hàng M4 - Chi nhánh Thành phố H của Công ty P1 vào tài khoản số 56210002704155 của L tại Ngân hàng B, tài khoản số 0651000835439 tại Ngân hàng V1 hoặc tài khoản số 0651000810180 tại Ngân hàng V1 của Trần Đức Hồng K (là chồng của L), tài khoản số 1012451498 tại Ngân hàng V1 của Hồ Thị Kim P (em dâu của L) và tài khoản số 0651000841123 tại Ngân hàng V1 của Hồ Thị Kim L3 (chị ruột của Hồ Thị Kim P). Từ năm 2020, L đã 41 lần chuyển khoản đến các số tài khoản Ngân hàng nói trên với tổng số tiền là 3.255.478.288 đồng, phí Ngân hàng cho các lần chuyển tiền là 462.000 đồng, cụ thể:

- Năm 2020: 05 lần chuyển tiền đến tài khoản số 56210002704155 tại Ngân hàng B của L, số tiền là 69.178.450 đồng, phí Ngân hàng là 55.000 đồng; 03 lần chuyển tiền đến tài khoản số 0651000835439 tại Ngân hàng V1 của L, số tiền là 65.189.000 đồng, phí Ngân hàng là 11.000 đồng; 01 lần chuyển tiền đến tài khoản số 0651000841123 tại Ngân hàng V1 của Hồ Thị Kim L3, số tiền là 40.000.000 đồng; 04 lần chuyển tiền đến tài khoản số 1012451498 tại Ngân hàng V của Hồ Thị Kim P, số tiền là 143.089.831 đồng, phí Ngân hàng là 44.000 đồng; 02 lần chuyển tiền đến tài khoản số 0651000810180 tại Ngân hàng V1 của Trần Đức Hồng K, số tiền là 17.295.000 đồng, phí Ngân hàng là 22.000 đồng.

- Năm 2021: 10 lần chuyển chuyển tiền đến tài khoản số 1012451498 tại Ngân hàng V của Hồ Thị Kim P, số tiền là 1.470.726.007 đồng, phí Ngân hàng là 154.000 đồng.

- Năm 2022: 16 lần chuyển tiền đến tài khoản số 0651000835439 tại Ngân hàng V1 của L, số tiền là 1.450.000.000 đồng, phí Ngân hàng là 176.000 đồng.

Đến trước ngày 08-10-2022, Nguyễn Thị Như L đã 06 lần chuyển trả lại cho Công ty P1 tổng số tiền là 1.577.596.494 đồng, cụ thể: Trong năm 2021, L có 03 lần chuyển lại tài khoản Ngân hàng M3 của Công ty, số tiền là 684.675.494 đồng; trong thời gian từ ngày 03-6-2022 đến ngày 06-10-2022 (trước ngày bị phát hiện), L có 03 lần chuyển lại tài khoản Ngân hàng M3 của công ty, số tiền là 892.921.000 đồng. Số tiền L chiếm đoạt và chưa chuyển trả lại cho công ty là 1.677.881.794 đồng. Sau khi bị công ty phát hiện, từ ngày 10-10-2022 đến ngày 02-11-2022, L đã nhiều lần nộp toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt. Tổng số tiền L đã nộp lại cho công ty là 3.255.940.288 đồng.

2. Đối với Nguyễn Thị K1

Nguyễn Thị K1 được Công ty P1 tuyển dụng vào vị trí nhân viên Kế toán từ ngày 14-11-2019, với công việc cụ thể là nhân viên Kế toán Ngân hàng, làm việc tại Công ty P1, K1 được Phòng Tài chính công ty giao quản lý các số tài khoản có sử dụng dịch vụ Intrernet Banking gồm: Tài khoản số 3311100012002 tại Ngân hàng M2; tài khoản số 651001E+11 tại Ngân hàng V1, tài khoản số 117000046803 tại Ngân hàng V và tài khoản số 090-529652-001 tại Ngân hàng H2.

Quá trình cùng làm việc tại Phòng kế toán Công ty P1, Nguyễn Thị K1 làm chung bộ phận với Nguyễn Thị Như L, K1 phát hiện thấy tiền phí phát sinh cao hơn những tháng trước, nên đã kiểm tra và phát hiện L có hành vi chiếm đoạt tiền của Công ty P1 thông qua tài khoản số 041548 tại Ngân hàng M4. Khi K1 hỏi L những bút toán liên quan đến tài khoản Ngân hàng này, thì L bảo sẽ giải trình với sếp là bà Nguyễn Thị Diễm H1. Đồng thời, do cùng phòng làm việc, nên khi nghe L giải thích với bà H1 là "Số tiền đó là phí mở LC Upas nội địa" thì K1 biết L đã làm chứng từ giả để giải thích với bà H1, chiếm đoạt tiền của công ty. Vì việc mở "LC Upas nội địa" là do K1 làm và khoản phí này sẽ trừ vào tài khoản Ngân hàng V, chứ không trừ vào tài khoản Ngân hàng MUFG của công ty. Tuy nhiên, K1 không báo cáo việc này với bà H1, mà nói với L về việc K1 đã phát hiện ra việc làm của L, L trả lời "Chị lỡ hạch toán lấy tiền rồi, em xem như không biết dùm chị". Kiều im lặng và không nói với ai chuyện này.

Sau đó, do cần tiền để sử dụng cho mục đích cá nhân, nên K1 nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của Công ty P1 AUTO theo phương thức, thủ đoạn như của L. Từ tháng 6-2021 đến tháng 10-2022, K1 đã nhiều lần chuyển tiền của công ty từ các tài khoản số 3311100012002 tại Ngân hàng M2, tài khoản số 651001E+11 tại Ngân hàng V1, tài khoản số 117000046803 tại Ngân hàng V, tài khoản số 090-529652-001 tại Ngân hàng H2 đến các tài khoản của K1 gồm: Tài khoản số 1019930361 tại Ngân hàng V1, tài khoản số 104873486131 tại Ngân hàng V, tài khoản số 56210000774736 tại Ngân hàng B hoặc số tài khoản số 1016491448 tại Ngân hàng V1 của Nguyễn Văn H (em ruột K1), tài khoản số 7777701011976 tại Ngân hàng M2 của bà Đặng Thị Kim T (mẹ ruột K1); tổng số tiền là 5.663.797.800 đồng, phí Ngân hàng cho các lần chuyển tiền là 1.141.800 đồng, cụ thể:

Đối với tài khoản số 117000046803 tại Ngân hàng V *của* Công ty P1*:*

- Năm 2021: 43 lần chuyển tiền đến tài khoản số 56210000774736 tại Ngân hàng B của K1, số tiền là 718.256.000 đồng, phí Ngân hàng là 939.400 đồng.

- Năm 2022: 06 lần chuyển tiền đến tài khoản số 56210000774736 tại Ngân hàng B của K1, số tiền là 153.500.000 đồng, phí Ngân hàng là 123.200 đồng; 01 lần chuyển tiền đến tài khoản số 7777701011976 tại Ngân hàng M2 của Đặng Thị Kim T, số tiền là 17.019.800 đồng; 03 lần chuyển tiền đến tài khoản số 1016491448 tại Ngân hàng V1 của Nguyễn Văn H, số tiền là 95.022.000 đồng, phí Ngân hàng là 39.600 đồng.

Đối với tài khoản số 3311100012002 tại Ngân hàng M2 *của* Công ty P1*:*

- Năm 2022: 11 lần chuyển tiền đến tài khoản số 56210000774736 tại Ngân hàng B của K1, số tiền là 3.940.000.000 đồng; 01 lần chuyển tiền đến tài khoản số 104873486131 tại Ngân hàng V của K1, số tiền là 100.000.000 đồng.

Đối với tài khoản số 090-529652-001 tại Ngân hàng H2 *của* Công ty P1*:*

- Năm 2022: 01 lần chuyển tiền đến tài khoản số 56210000774736 tại Ngân hàng B của K1, số tiền là 10.000.000 đồng, phí Ngân hàng là 9.900 đồng; 01 lần chuyển tiền đến tài khoản số 104873486131 tại Ngân hàng V của K1, số tiền là 200.000.000 đồng, phí Ngân hàng là 9.900 đồng; 02 lần chuyển tiền đến tài khoản số 1016491448 tại Ngân hàng V1 của Nguyễn Văn H, số tiền là 130.000.000 đồng, phí Ngân hàng là 19.800 đồng.

Đối với tài khoản số 0651000609625 tại Ngân hàng V1 *của* Công ty P1*:*

Ngày 10-10-2022, chuyển tiền đến tài khoản số 56210000774736 tại Ngân hàng B của K1, số tiền là 300.000.000 đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Thị K1 chiếm đoạt của Công ty P1 là 5.663.797.800 đồng (năm tỷ sáu trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm đồng), phí Ngân hàng cho các lần chuyển tiền 1.141.800 đồng (một triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn tám trăm đồng).

Trong tổng số tiền Nguyễn Thị K1 chiếm đoạt đã nêu trên, có số tiền 4.440.000.000 đồng Kiều chiếm đoạt của công ty từ ngày 08-10-2022 đến ngày 10-10-2022, K1 khai nhận như sau: Sau khi bị phát hiện hành vi chiếm đoạt tiền của công ty (ngày 08-10-2022), với mục đích muốn có tiền để trả lại cho công ty, nên từ ngày 08-10-2022 đến ngày 10-10-2022, K1 nhiều lần chuyển tổng số tiền là 4.440.000.000 đồng từ các tài khoản Ngân hàng M2, V1 và Ngân hàng H2 của công ty đến tài khoản cá nhân của K1, sau đó K1 đã chuyển 4.040.000.000 đồng vào nhiều tài khoản Ngân hàng khác nhau để tham gia đầu tư Online thông qua hình thức thả tim, ấn theo dõi các bài đăng trên TikTok để hưởng hoa hồng. Tuy nhiên, toàn bộ số tiền 4.040.000.000 đồng đã bị các đối tượng lừa đảo chiếm đoạt, nên K1 không thể chuyển trả tiền lại cho công ty. Hiện nay, K1 đã có đơn tố giác tội phạm và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã ra Quyết định khởi tố vụ án số 17/QĐ-CSĐT ngày 15-02-2023 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị K1 đã chuyển tra lại cho công ty số tiền 370.000.000 đồng và bà Đặng Thị Kim T đã nộp vào tài số 56210000774736 tại Ngân hàng B của Nguyễn Thị K1 số tiền 200.000.000 đồng, K1 đã chuyển toàn bộ số tiền này đến tài khoản số 104873486131 tại Ngân hàng V của K1 để tiếp tục khắc phục hậu quả do K1 gây ra. Hiện nay, tài khoản số 104873486131 tại Ngân hàng V của K1 đã bị phong tỏa.

3. Ngoài ra, thời gian từ tháng 3-2022 đến tháng 8-2022, Nguyễn Thị Như L và Nguyễn Thị K1 còn nhiều lần tổ chức thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của Công ty P1, cụ thể: Lài có nhiệm vụ chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng M4 của công ty vào tài khoản cá nhân của L tại Ngân hàng V1, sau đó thông báo cho K1 tổng số tiền đã chiếm đoạt được, K1 sẽ hạch toán khống tiền chi trên phần mềm kế toán của công ty cho phù hợp với số tiền trên (L đã chuyển sang bộ phận kế toán khác, nên phải nhờ K1 hạch toán khống trên phần mềm kế toán), sau đó cả hai chia nhau tiêu xài cá nhân. Tổng số tiền hai bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của công ty là 280.000.000 đồng và chuyển về tài khoản Ngân hàng của L. Với việc giúp sức cho L, K1 được L nhiều lần chuyển tiền đến số tài khoản 56210000774736 tại Ngân hàng B của K1 tổng số tiền là 140.000.000 đồng. Số tiền 280.000.000 đồng này nằm trong tổng số tiền 3.255.478.288 đồng và đã được L khắc phục toàn bộ cho công ty.

Về trách nhiệm dân sự:

Nguyễn Thị Như L đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt còn lại là 1.677.881.794 đồng. Nguyễn Thị K1 đã tự nguyện bồi thường 570.000.000 đồng; K1 còn lại phải tiếp tục bồi thường cho công ty số tiền là 5.093.797.800 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2024/HS-ST ngày 09-4-2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam:

1. Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 353; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Thị K1 18 (mười tám) năm tù về tội "Tham ô tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04-11-2022.

Cấm bị cáo đảm nhiệm công việc Kế toán trong thời hạn 02 (**hai**) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 353; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Thị Như L 15 (mười lăm) năm tù về tội "Tham ô tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27-10-2023 (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04-11-2022 đến ngày 12-11-2022).

Cấm bị cáo làm công việc Kế toán trong thời hạn 02 (**hai**) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị K1 tiếp tục bồi thường thiệt hại về tài sản cho Công ty TNHH P1 số tiền 5.094.939.600 đồng (năm tỷ không trăm chín mươi bốn triệu chín trăm ba chín nghìn sáu trăm đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 14-4-2024, Nguyễn Thị Như L kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 16-4-2024, Nguyễn Thị K1 kháng cáo xin giảm hình phạt.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị Như L và Nguyễn Thị K1 kháng cáo bản án. Đơn kháng cáo của bị cáo là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Như L và Nguyễn Thị K1; sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt cho cả hai bị cáo.

Các bị cáo, Luật sư bào chữa cho các bị cáo tranh luận công khai; nói lời sau cùng các bị cáo đều thể hiện thái độ ăn năn, hối cải và đề nghị được chấp nhận kháng cáo.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1]. Về tội danh:

Từ năm 2020 đến năm 2022, Nguyễn Thị Như L và Nguyễn Thị K1 là Kế toán được Công ty P1 giao quản lý các mã mật khẩu xác minh OTP và quản lý trực tiếp 02 Token là mã tạo lệnh (T) và T5 duyệt lệnh (Thaco 4). Lợi dụng việc được giao nhiệm

vụ quản lý mật khẩu OTP, quản lý các mã tạo lệnh và mã duyệt lệnh Token, K1 và L đã hợp thức hoá các khoản tiền chiếm đoạt bằng cách chia nhỏ các khoản tiền với các nội dung như: *Phí ngân hàng, phí chiết khấu, phí chuyển tiền, phí* ngân hàng L5 *(phí mở hồ sơ vay)…*của Công ty P1 đối với đối tác là Ngân hàng M4 - Chi nhánh Thành phố H hoặc nội dung thể hiện việc Công ty P1 thanh toán công nợ các khoản chi này cho là các đối tác, tạm ứng tiền phục vụ các hoạt động của công ty để công ty không bị phát hiện, cụ thể như sau:

- Đối với Nguyễn Thị Như L:

Trong thời gian được giao nhiệm vụ Kế toán Ngân hàng từ năm 2020 đến năm 2022, Nguyễn Thị Như L đã 41 lần tự ý chuyển tiền từ tài khoản số 041548 mở tại Ngân hàng M4 - Chi nhánh Thành phố H của Công ty P1 vào tài khoản cá nhân của L số 56210002704155 mở tại Ngân hàng B và tài khoản số 0651000835439 mở tại Ngân hàng V1 hoặc các tài khoản số 0651000810180 mở tại Ngân hàng V1 của Trần Đức Hồng K (là chồng của L), tài khoản số 1012451498 mở tại Ngân hàng V1 của Hồ Thị Kim P (là em dâu của L) và tài khoản số 0651000841123 mở tại Ngân hàng V1 của Hồ Thị Kim L3 (là chị ruột của Hồ Thị Kim P) với tổng số tiền là 3.255.478.288 đồng (ba tỷ hai trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm tám mươi tám đồng), phí Ngân hàng cho các lần chuyển tiền là 462.000 đồng (bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

- Đối với Nguyễn Thị K1:

Năm 2019, K1 được tuyển dụng vào làm Kế toán và làm chung bộ phận với Nguyễn Thị Như L, K1 phát hiện L có hành vi chiếm đoạt tiền của Công ty P1, thông qua tài khoản số 041548 mở tại Ngân hàng M4, nhưng K1 không báo cáo công ty, mà nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của công ty. Từ tháng 6-2021 đến tháng 10-2022, để chiếm đoạt được tiền của công ty mà không bị phát hiện, K1 đã nhiều lần chuyển tiền từ các tài khoản số 3311100012002 tại Ngân hàng M2, tài khoản số 651001E+11 tại Ngân hàng V1, tài khoản số 117000046803 tại Ngân hàng V, tài khoản số 090-529652-001 tại Ngân hàng H2 của Công ty P1 đến các tài khoản của K1 gồm tài khoản số 1019930361 tại Ngân hàng V1, tài khoản số 104873486131 tại Ngân hàng V, tài khoản số 56210000774736 tại Ngân hàng B hoặc tài khoản số 1016491448 mở tại Ngân hàng V1 của Nguyễn Văn H (em ruột của K1), tài khoản số 7777701011976 tại Ngân hàng M2 của bà Đặng Thị Kim T (mẹ ruột của K1) để chiếm đoạt tổng số tiền là 5.663.797.800 đồng (năm tỷ sáu trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm đồng), phí Ngân hàng cho các lần chuyển tiền 1.141.800 đồng (một triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn tám trăm đồng).

Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ tháng 3-2022 đến tháng 8-2022, Nguyễn Thị K1 và Nguyễn Thị Như L còn nhiều lần tổ chức thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của Công ty P1, cụ thể: Lài có nhiệm vụ chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng M4 của công ty vào tài khoản cá nhân của L tại Ngân hàng V1, sau đó thông báo cho K1 tổng số tiền đã chiếm đoạt được, K1 sẽ hạch toán khống tiền chi trên phần mềm kế toán của công ty cho phù hợp với số tiền trên rồi cả hai chia nhau tiêu xài cá nhân. Tổng số tiền mà K1 và L chiếm đoạt của công ty là 280.000.000 đồng và chuyển về tài khoản của L (trong tổng số tiền 3.255.478.288 đồng đã nêu trên). Với việc giúp sức cho L, K1 được L nhiều

lần chuyển tiền đến số tài khoản số 56210000774736 tại Ngân hàng B của K1, với tổng số tiền là 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng).

Với hành vi phạm tội và hậu quả như đã nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam kết án Nguyễn Thị Như L và Nguyễn Thị K2 tội "Tham ô tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 353 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt:

Nguyễn Thị Như L và Nguyễn Thị K1 có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đủ nhận thức để đánh giá và phân biệt được việc làm của mình. Khi được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty P1 AUTO các bị cáo đều có chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ, được công ty giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý tài sản, nhưng vì động cơ vụ lợi cá nhân, các bị cáo đã lợi dụng chức trách, nhiệm vụ được giao, thống nhất thực hiện hành vi hợp thức hoá các khoản tiền của Công ty P1 bằng cách chia nhỏ các khoản tiền của công ty đối với các đối tác để chiếm đoạt hàng tỷ đồng. Trong đó, Nguyễn Thị Như L là người đầu tiền dùng thủ đoạn gian dối bằng cách hợp thức hoá và chia nhỏ các khoản tiền với các nội dung như: Phí Ngân hàng, phí chiết khấu, phí chuyển tiền, phí ngân hàng L5 (phí mở hồ sơ vay)…. để chiếm đoạt 3.255.478.288 đồng; còn Nguyễn Thị K1, khi phát hiện L thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của công ty, bị cáo không báo cáo với quản lý công ty, mà lại thực hiện hành vi gian dối với với cách thức thủ đoạn giống như L đã thực hiện và chiếm đoạt của công ty tổng số tiền là 5.663.797.800 đồng.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian trên, sau khi Nguyễn Thị Như L rút từ Ngân hàng M3 số tiền 280.000.000 đồng về tài khoản của bị cáo (trong số tiền 3.255.478.288 đồng của L), thì L đã nhiều lần nhờ K1 giúp bị cáo hoạch toán chia nhỏ số tiền trên nhằm tránh sự phát hiện của công ty rồi cả hai chiếm đoạt số tiền này.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến uy tín của một bộ phận cán bộ có trách nhiệm quản lý tài sản, mà còn gây dư luận rất xấu trong nhân dân, ảnh hưởng tiêu cực đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Do đó, cần xử phạt các bị cáo hình phạt nghiêm khắc, việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài để các bị cáo lấy đó làm bài học mà cải tạo, sửa chữa là điều cần thiết. Với hành vi phạm tội và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xử phạt Nguyễn Thị K1 18 năm tù, xử phạt Nguyễn Thị Như L 15 năm tù là tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo.

Các bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; đồng thời, xét thấy sau khi phạm tội, Nguyễn Thị Như L đã bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt (3.255.478.288 đồng), Nguyễn Thị K1 đã khắc phục 570.000.000 đồng; quá trình điều tra các bị cáo tích cực hợp tác với Cơ quan Cảnh sát điều tra trong điều tra, xử lý tội phạm; gia đình các bị cáo đều có công với Cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến. Ngoài ra, tại Tòa án cấp phúc thẩm, các bị cáo đều cung cấp được tài liệu thể hiện Nguyễn Thị K1 tự nguyện nộp thêm 1.000.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, Nguyễn Thị Như L tự nguyện nộp 140.000.000 đồng để bồi thường thay cho K1; cả hai bị cáo đều được nguyên đơn dân sự có công văn để nghị giảm nhẹ hình phạt. Do tại Tòa án cấp phúc thẩm, các bị cáo đều có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên

Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, giảm hình phạt cho cả hai bị cáo để thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

Đối với số tiền tự nguyện bồi thường của hai bị cáo sẽ được khấu trừ vào tổng số tiền mà Nguyễn Thị K1 phải bồi thường cho Công ty P1.

Như vậy, kháng cáo của các bị cáo đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Thị K1 và Nguyễn Thị Như L.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2024/HS-ST ngày 10-4-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về phần Trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị K1 và Nguyễn Thị Như L.

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 353; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Thị K1 17 (mười bảy) năm tù về tội "Tham ô tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04-11-2022.

Cấm bị cáo đảm nhiệm công việc Kế toán trong thời hạn 02 (**hai**) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2.2. Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 353; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 và khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Thị Như L 14 (mười bốn) năm tù về tội "Tham ô tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27-10-2023 (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04-11-2022 đến ngày 12-11-2022).

Cấm bị cáo làm công việc Kế toán trong thời hạn 02 (**hai**) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị K1 bồi thường thiệt hại về tài sản cho Công ty TNHH P1 AUTO số tiền 5.094.939.600 đồng, được trừ vào số tiền tự nguyện bồi thường là 1.140.000.000 đồng, theo các Phiếu thu tiền mặt số PR24060001 ngày 11-6-2024 và Phiếu thu tiền mặt số PR24060002 ngày 12-6-2024 của Công ty TNHH P1; bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 3.954.939.600 đồng (ba tỷ chín trăm năm mươi bốn triệu chín trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm đồng) .

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí phúc thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyễn Thị K1 và Nguyễn Thị Như L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam (03 bản, để giao cho mỗi bị cáo 01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Nguyên đơn dân sự (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Việt Cường